

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65 /QĐ-UBND

Lâm Bình, ngày 21 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 04/TTr-PTP ngày 15/01/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 08 xã huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, các thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 2; (thực hiện)
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp; (báo cáo)
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện;
- Phòng Tư pháp; (3b)
- Lưu: VT, CV<sub>(NC)</sub>.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dũng**

## DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 65 /UBND-NC ngày 01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Loại I</b>							
1	Xã Thượng Lâm	95	15	29,1	20,5	10	20	98%
2	Xã Lăng Can	97	12	30	25	10	20	100%
<b>II</b>	<b>Loại II</b>							
2	Xã Khuôn Hà	95	15	29,5	20,5	10	20	100%
3	Xã Phúc Yên	87	10,25	28,25	18	10	20	95%
4	Xã Xuân Lập	96	15	30	20,5	10	20	100%
5	Xã Bình An	93	15	30	18,75	9,74	20	100%
6	Xã Hồng Quang	90	9,25	30	20,5	10	20	100%
7	Xã Thổ Bình	96	15	29,75	21,25	9,7	20	97%